TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/01/2022
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu

- Thư kY phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST – HNGĐ ngày 13/01/2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1991

ĐKHKTT: Khu L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Số 9/18/167 L, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1984

ĐKHKTT: Khu L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. ĐK tạm trú: Số 1004 N, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Số 779 N, Khu 7, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

+ **Người làm chứng**:

- Ông Vũ Thành H, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 779 N, Khu X, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị và anh Nguyễn Văn Y kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh Y ở số 779 N, phường H, thành phố H đến năm 2019 thì vợ chồng thuê nhà ra ở riêng một thời gian sau đó lại về sống cùng bố mẹ đẻ anh Y. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống cũng như trong việc làm ăn kinh tế; bên cạnh đó anh Y không tu chí làm ăn chăm lo cho gia đình mà thường xuyên chơi bời, rượu chè. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Y không thay đổi mà còn đánh đập chị. Từ tháng 8 năm 2021, chị và anh Y sống ly thân, chị đã chuyển ra nơi khác ở riêng còn anh Y sống cùng bố mẹ đẻ, vợ chồng mỗi người đều có công việc riêng không quan tâm, chia sẻ với nhau. Do chị và anh Y bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau nên có về sống chung với nhau cũng không hạnh phúc. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Y không đến Tòa trình bày quan điểm là cố tình gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn, bản thân chị đã nhiều lần tìm gặp anh Y khuyên bảo anh Y đến Tòa để giải quyết ly hôn nhưng anh Y cố tình trốn tránh. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Y để chị ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Chị N xác định chị và anh Y có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 19/9/2014 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 16/8/2017. Hiện nay cả hai con đang ở với anh Y. Ly hôn chị N xin nhận nuôi con Nguyễn Thị Ngọc V để anh Y nuôi con Nguyễn Mạnh C và tự nguyện không yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị là giáo viên mầm non thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ, đủ khả năng nuôi con. Về chỗ ở chị đang ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ nhà cửa rộng rãi đảm bảo sinh hoạt của cả hai mẹ con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm.

Người làm chứng bà Phạm Thị D (là mẹ đẻ anh Y) trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Y và là mẹ chồng của chị N. Chị N và anh Y kết hôn

với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị N, anh Y về chung sống cùng vợ chồng bà, cũng có thời gian vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống thỉnh thoảng anh Y có uống rượu, chị N khuyên bảo nhưng anh Y không thay đổi nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Cách đây khoảng hơn 02 tháng vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau nên chị N đã ra ở riêng không sống cùng anh Y. Gia đình bà nhiều lần khuyên bảo chị N về chung sống cũng anh Y để nuôi dạy con chung nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N làm đơn xin ly hôn quan điểm của bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Quá trình chung sống chị N, anh Y có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 19/9/2014 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 16/8/2017. Hiện cả hai cháu đang ở với anh Y và gia đình bà. Quan điểm của bà trường hợp chị N kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh Y nuôi dưỡng chăm sóc, ông bà sẽ hỗ trợ anh Y trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung: Chị N, anh Y không có tài sản gì chung.

Bà nhiều lần nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh Y đến Tòa để trình bày quan điểm giải quyết ly hôn với chị N. Do anh Y hiện đang sinh sống cùng gia đình bà tại địa chỉ 779 N, phường H, thành phố H nên các lần nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Y bà đều giao cho anh Y. Anh Y nói với bà là đã biết việc chị N xin ly hôn nhưng anh Y không đến Tòa án làm việc để mặc chị N xin ly hôn đơn phương. Quan điểm của anh Y là không đồng Y ly hôn chị N; về con chung anh Y xin nhận nuôi cả hai con; về tài sản chung anh Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Vũ Thành H và bà Phạm Thị T (là bố mẹ đẻ chị N) trình bày:

Chị N và anh Y kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị N, anh Y về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Y, cũng có thời gian vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống do anh Y không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè về chửi bới vợ con, có lần anh Y còn đánh chị N. Chị N khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Y không thay đổi nên từ tháng 8 năm 2021 chị N đã ra ở riêng. Vợ chồng ông bà nhiều lần động viên chị N về chung sống cùng anh Y nhưng chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Đến nay ông bà xét thấy anh Y không thay đổi tính cách, nhiều lần đánh đập chị N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh Y để chị N ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống chị N và anh Y có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 19/9/2014 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 16/8/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh Y. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được nuôi cháu Ngọc V còn anh Y nuôi cháu C. Về chỗ ở gia đình ông bà đã mua nhà cho chị

N ở phường B, thành phố H; ông bà sã hỗ trợ chị N trong việc trông nom, chăm sóc con cho chị N khi chị N đi làm.

Quá trình chung sống giữa chị N và anh Y không có tài sản chung, nợ chung.

Xác minh với ông Vũ Đình Ơ (phó trưởng khu X) và bà Vũ Thị T (Hội trưởng phụ nữ khu X) phường H trình bày: Chị N và anh Y kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Y có uống rượu, chị N khuyên bảo nhưng anh Y không nghe. Hiện nay chị N đã chuyển đi nơi khác ở còn anh Y vẫn ở nhà bố mẹ đẻ tại số 779 N, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Khi xảy ra mâu thuẫn anh Y, chị N không nhờ khu cũng như phụ nữ khu hòa giải nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Y; Về con chung: Chị N xin nhận nuôi con Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 16/8/2017, để anh Y nuôi con Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 19/9/2014. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Y vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu Y kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Vũ Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn Y; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 16/8/2017; Anh Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 19/9/2014 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N, anh Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn Y đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Đăng ký tạm trú: Số 1004 N, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Hiện ở: Số 779 N, Khu X, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

Nguyên đơn chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Y trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Y nhưng anh Y không đến Tòa án làm việc. Anh Y vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Những người làm chứng bà Phạm Thị D, ông Vũ Thanh H, bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Y, bà D, ông H, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Y kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N và bố mẹ hai bên cũng như xác minh tại chính quyền địa phương trình bày là do anh Y chơi bời, rượu chè, không tu chí làm ăn chăm lo cho gia đình. Chị N và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Y không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ khoảng tháng 8 năm 2021 đến nay anh Y và chị N sống ly thân, chị N đã dọn đi nơi khác ở không sống chung cùng anh Y.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Y đến Tòa để trình bày quan điểm về việc ly hôn nhưng anh Y không có mặt; thông qua mẹ đẻ anh Y có quan điểm không đồng ý ly hôn chị N. Mặc dù anh Y không đồng ý ly hôn chị N nhưng không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Việc anh Y không đến Tòa làm việc thể hiện thái độ không hợp tác gây khó khăn cho chị N trong việc giải quyết ly hôn, nếu thực sự anh Y muốn vợ chồng về đoàn tụ thì sẽ tìm gặp chị N và yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Từ tháng 8 năm

2021 đến nay chị N và anh Y sống ly thân, trong thời gian sống ly thân vợ chồng mỗi người đều có công việc riêng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử chị Vũ Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn Y là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] **Về quan hệ con chung**: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh Y có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 19/9/2014 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 16/8/2017. Hiện nay cả hai con đang ở với anh Y. Ly hôn chị N xin nhận nuôi con Nguyễn Thị Ngọc V để anh Y nuôi con Nguyễn Mạnh C và tự nguyện không yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Y không đến Tòa án trình bày quan điểm về con chung nhưng thông qua mẹ đẻ nguyện vọng của anh Y xin nhận nuôi cả hai con, bố mẹ đẻ anh Y sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như chăm sóc các con giúp anh Y khi anh đi làm.

Xét thấy: Cháu Nguyễn Mạnh C đã trên bảy tuổi và có quan điểm xin ở với bố; cháu Nguyễn Thị Ngọc V hiện còn nhỏ là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của người me. Chị N hiện là giáo viên mầm non, thời gian làm việc hành chính 8 tiếng/ngày, được nghỉ thứ bảy và chủ nhật, có mức thu nhập hàng tháng ổn định, có thời gian chăm sóc cho con. Về điều kiện vật chất cũng như chỗ ăn ở của anh Y, chị N đều đảm bảo nuôi dưỡng các con tốt nhất. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Ngọc V cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Mạnh C cho anh Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Do anh Y, chị N mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này anh Y có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án hôn nhân gia đình khác.

[5] **Về án phí**: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử chị Vũ Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn Y.

2. **Về quan hệ con chung**: Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 16/8/2017; Anh Nguyễn Văn Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 19/9/2014 kể từ tháng 02 năm 2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Y, chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. **Về án phí**: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001678 ngày 01/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. (ĐKKH ngày 04/3/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu